

Bản án số: 156/2019/DS-ST

Ngày: 08-5-2019

V/v Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh:***
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại Phòng xử dân sự, trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 608/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: Đường H, phường B, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lã Ngọc M là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/01/2017) (vắng mặt);

Bị đơn: Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1975; cư trú tại: Đường M, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 11/02/2010, bà Trần Thị Minh T và Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của ngân hàng) với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, để tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp, bà T đã thực hiện giao dịch bằng thẻ nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên ngày 23/5/2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị Minh T thanh toán số tiền nợ gốc 13.838.124 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử vụ án là 26.955.312 đồng; tổng cộng 40.793.436 đồng (theo tóm tắt sao kê ngày 08/5/2019) và yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất theo quy định của Hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Minh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập hợp lệ nhưng bà vẫn không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và nộp các chứng cứ, tài liệu kèm theo hoặc có mặt tại Tòa án để có ý kiến, tham gia hoà giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

Bị đơn là bà Trần Thị Minh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/5/2016 và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn thì đây là tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng (gọi tắt là hợp đồng) thì ngày 11/02/2010, Ngân hàng và bà Trần Thị Minh T có giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Theo hồ sơ sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch bằng thẻ tín dụng do Ngân hàng cấp nhưng lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25/3/2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Xét thấy, theo các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại mục 2, mục 18 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc: 13.838.124 đồng, tiền lãi 26.955.312 đồng, tổng cộng 40.793.436 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng theo quy định tại Án lệ số 08/2016.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý vào ngày 21/4/2016 và chuyển đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp giải quyết theo Quyết định chuyển vụ án số 1890/2018/QĐST-DS ngày 28/9/2018. Do đó, căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009, bị đơn phải chịu án phí: $40.793.436 \text{ đồng} \times 5\% = 2.039.671 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Án lệ số 08/2016, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc bà Trần Thị Minh T phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi, tổng cộng 40.793.436 (bốn mươi triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm ba mươi sáu) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/02/2010 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Trần Thị Minh T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Thị Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trần Thị Minh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.039.671 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 597.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0007668 ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Đăng Tân